TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2021
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Mẫn
2. Ông Trần Hoàng Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Na R, sinh năm: 1996; địa chỉ: ấp Xà Xiêm, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020 và quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn Chị Thị Na R trình bày:

Chị và Anh Danh T kết hôn với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tsống thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà sinh tật ăn chơi, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Tkhông sửa đổi dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau dẫn đến mất dần tình cảm, chị và anh Tđã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Chị và anh Tcó một con chung tên Danh Bảo Nguyên, sinh ngày: 02/03/2016, hiên con đang sống với chị Ral.

Nay chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Danh T.

Về con chung: Chị Ryêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyên, không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/4/2021 và tại phiên tòa bị đơn Anh Danh T trình bày:

Anh Txác định lời trình bày của Chị Thị Na R về hôn nhân, con chung, là đúng, nhưng về mâu thuẫn giữa vợ chồng là không đúng. Việc Chị Rcho rằng anh sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà sinh tật ăn chơi là không có. Anh và Chị Rchung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng cùng nhau đi làm để chăm lo cho gia đình nhưng đến tháng 11/2019 anh không biết vì lý do gì thì Chị Rđòi ly hôn với anh và không cho anh chung sống nữa, từ đó anh về nhà cha mẹ ruột để sống do từ trước đến nay vợ chồng anh sống cùng với cha mẹ vợ.

Nay Chị Rkhởi kiện yêu cầu được ly hôn thì anh không đồng ý, anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh và Chị Rđược đoàn tụ về chung sống với nhau để chăm lo cho con.

Nếu Chị Rcương quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Về con chung: Anh Tyêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyên, không yêu cầu Chị Rphải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ chung: Chị Rkhông yêu cầu giải quyết anh cũng đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Rkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Tnên đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Tlà bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Rcó đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/5/2021 nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Chị Rtheo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Rvà anh Tkết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy việc kết hôn của anh, chị đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về mâu thuẫn giữa Chị Rvà anh Tâm. Theo trình bày của Chị Rvà anh Tvề mâu thuẫn vợ chồng chưa thống nhất. Chị Rcho rằng anh Tsống thiếu trách

nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà sinh tật ăn chơi, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh Tkhông sửa đổi. Tại bản khai anh Tcho rằng Chị Rkhông cho anh chung sống và tự chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh mà không rõ lý do. Mặc dù, anh chị luôn đổ lỗi cho nhau nhưng xét thấy anh, chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ly thân nhau trong một khoảng thời gian dài mà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài mà không thể tự hòa giải với nhau, đồng thời anh, chị cũng đã nhiều lần khắc phục mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay Chị Rcương quyết xin ly hôn chứ không đồng ý chung sống với anh Tnữa. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa Chị Rvà anh Tđã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, Chị Ryêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Rvà anh Txác định anh, chị có một con chung là Danh Bảo Nguyên, sinh ngày: 02/03/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án Chị Rvà anh Tđều yêu cầu xin được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyên.

Xét yêu cầu nuôi con của Chị Rlà có cơ sở chấp nhận- Bởi lẽ xét thấy hiện nay dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị Ral, cháu Nguyên đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị Rcũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc khác từ khi anh, chị sống ly thân đến nay cháu Nguyên do Chị Rnuôi dưỡng, xét về mặt tâm lý tình cảm cháu sẽ mến mẹ nhiều hơn. Xét yêu cầu của Chị Rlà phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án ghi nhận. Anh Tcó quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở. Nếu sau này anh Txét thấy Chị Rkhông chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phú được tốt thì anh Hai có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Rkhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị Rvà anh Tđều xác định không yêu cầu giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ryêu cầu xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002126 ngày 26/02/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do bà Nguyễn Thị Lệ nộp thay)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm 1 khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Thị Na R được ly hôn với Anh Danh T

2. Về con chung: Giao con chung Danh Bảo Nguyên, sinh ngày: 02/03/2016 cho Chị Thị Na R trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Danh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị Na R không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Chị Thị Na R phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002126 ngày 26/02/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (do bà Nguyễn Thị Lệ nộp thay).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/6/2021, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm